

BỘ PHÂN THƯƠNG VỤ

Thông tin thị trường NAUY

1. Đặc điểm thị trường:

Vương quốc Na Uy là một quốc gia quân chủ lập hiến với một chính phủ theo hệ thống nghị viện. Gia đình Hoàng gia là một nhánh của gia đình hoàng gia Glücksburg, có nguồn gốc từ Schleswig-Holstein ở Đức. Vai trò của nhà Vua, Harald V, chỉ mang tính nghi lễ, nhưng ông có ảnh hưởng như một biểu tượng của sự thống nhất quốc gia. Na Uy là một thành viên của Liên Hiệp Quốc, NATO, và Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD)

Kinh tế Na Uy là một ví dụ về nền kinh tế hỗn hợp, với đặc trưng là một sự phối hợp giữa hoạt động thị trường tự do và sự sở hữu lớn của nhà nước. Chính phủ kiểm soát các ngành chủ chốt, như lĩnh vực dầu mỏ (StatoilHydro) chiến lược, sản xuất năng lượng thủy điện Statkraft), chế tạo nhôm (Norsk Hydro), ngân hàng lớn nhất Na Uy (DnB NOR) và công ty cung cấp dịch vụ viễn thông (Telenor). Chính phủ kiểm soát 31.6% công ty niêm yết công chúng. Với các công ty chưa niêm yết thậm chí nhà nước còn sở hữu số vốn lớn hơn (chủ yếu là các giấy chứng nhận sở hữu dầu mỏ trực tiếp).

Các cơ cấu kiểm soát các nguồn tài nguyên dầu mỏ là sự phối hợp giữa sở hữu nhà nước với các công ty khai thác chính tại các giếng dầu Na Uy (StatoilHydro xấp xỉ 62% năm 2007) và sở hữu toàn bộ Petoro (giá trị thị trường khoảng gấp đôi Statoil) và SDFI. Cuối cùng chính phủ kiểm soát việc cấp giấy phép khai thác và sản xuất các giếng dầu.

Quốc gia này sở hữu nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú gồm dầu mỏ, thủy năng, đánh cá, lâm nghiệp và khoáng chất. Na Uy là một trong những quốc gia có tiêu chuẩn cao nhất thế giới phần lớn bởi có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên so với quy mô dân số. Thu nhập từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên gồm cả một phần quan trọng từ dầu khí và các ngành công nghiệp liên quan cũng như việc quản lý tốt các nguồn thu từ lĩnh vực này. Na Uy luôn có tỷ lệ thất nghiệp thấp, hiện ở mức dưới 4% (2017). Mức năng suất, cũng như mức lương trung bình trên giờ tại Na Uy thuộc hàng cao nhất thế giới. Các giá trị quân bình của xã hội Na Uy đảm bảo rằng sự cách biệt về lương giữa người công nhân có mức thu nhập thấp nhất và người quản lý cao cấp nhất ở công ty thấp hơn nhiều so với tại các nền kinh tế phương tây khác.

Na Uy chủ trương gia nhập Liên minh châu Âu (EU) từ những năm 70 nhưng chưa được đa số người dân Na Uy ủng hộ. Na Uy vẫn tham gia vào các hoạt động của EU, tiếp tục đóng góp cho quỹ EEA để hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội ở EU. Tuy nhiên, phản đối của người dân Na Uy trong việc gia nhập EU ngày càng tăng (70%) và một số quy định của EU vẫn gặp khó khăn trong việc phê chuẩn ở Na Uy.

Năm 1996, Quốc hội Na Uy thông qua "Chiến lược châu Á" nhằm tăng cường quan hệ chính trị và mở rộng hợp tác kinh tế, thương mại, văn hoá lâu dài với các nước ở khu vực này. Hiện nay, Na Uy có quan hệ thương mại nhiều với Nhật Bản, Trung Quốc và ngày càng chú trọng đến khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Là thành viên đầy đủ của khu vực kinh tế chung Châu Âu (EEC), Na Uy thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của một nước thành viên trong việc đảm bảo tự do lưu chuyển của bốn đối tượng là; hàng hóa, lao động, dịch vụ và vốn. Là thành viên của Tổ chức Thương mại tự do Châu Âu (EFTA), Na Uy theo đuổi thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương trong khuôn khổ của AFTA. Điều này có nghĩa là Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein có thể cùng đàm phán hiệp định thương mại tự do với cả một nước thứ 3 thông qua EFTA. Đến nay, trong khuôn khổ EFTA, Na Uy đã cùng tham gia ký kết thực hiện 27 FTAs và đang đàm phán 6 FTAs khác trong đó có Việt Nam (từ năm 2011).

2. Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô:

- GDP: 377,1 tỷ USD (2017)

- Dân số: 5.290.288 người (2017)
- GDP bình quân đầu người 70.665 USD/người/năm (2017)
- Tỷ lệ thất nghiệp: 4% (2017)
- Chỉ số CPI: 2,0% (2017)
- Tỷ lệ đóng góp vào GDP của các lĩnh vực: Nông nghiệp (1,7%), Công nghiệp (38,9%), Dịch vụ (59,4%).

3. Quan hệ ngoại thương:

Mặt hàng xuất khẩu chính: Dầu mỏ và chế phẩm từ dầu, khí tự nhiên, máy móc, thiết bị, sắt thép, khoáng sản, hóa chất, tàu biển, hải sản (chủ yếu là cá hồi).

Thị trường xuất khẩu chính: Anh 20,1%, Đức 16,9%, Hà Lan 12,9%, Thụy Điển 5,7%, Pháp 4,8%.

Mặt hàng nhập khẩu chính: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, hóa chất, xăng dầu, sắt thép, thực phẩm, rau quả, dược phẩm và thiết bị y tế, nội thất, may mặc, giày dép.

Thị trường nhập khẩu chính: Thụy Điển 12,3%, Đức 11,9%, Trung Quốc 9,4%, Anh 6,5%, Mỹ 6,2%, Đan Mạch 6,1%.

Đối tác xuất khẩu lớn nhất vào Na Uy

Nước	2016	2017
Đức	72.936	75.800
Trung Quốc	67.068	67.196
Anh	30.756	32.485
Mỹ	39.023	46.347
Đan Mạch	34.026	36.868
Bỉ	11.036	10.519
Hà Lan	24.308	26.315
Thụy Điển	72.629	78.457
Phần Lan	14.670	14.911
Iceland	1.841	2.923
Canada	10.761	13.325
Nga	9.732	12.636
Nhật Bản	14.269	14.074
Hàn Quốc	17.094	46.239
.....		
TỔNG	609.514	683.354

Đơn vị: Triệu NOK

Nguồn: www.ssb.no

Đối tác nhập khẩu từ Na Uy

Nước	2016	2017
Đức	107.094	130.846
Trung Quốc	19.756	17.002
Anh	155.503	177.985
Mỹ	31.292	38.698
Đan Mạch	29.946	39.617
Bỉ	32.695	40.273
Hà Lan	79.842	83.814
Thụy Điển	48.264	55.723
Pháp	50.254	54.143
Phần Lan	9.976	13.183
Iceland	3.677	4.524
Canada	8.181	10.111
Nga	2.268	2.186
Nhật Bản	10.251	9.882
Hàn Quốc	10.736	8.303
.....		
TỔNG	751.398	843.286

Đơn vị: Triệu NOK

Nguồn: www.ssb.no

Quan hệ thương mại với Việt Nam

	2016	2017
<i>Xuất khẩu sang VN</i>	2.634.305	3.032.456
<i>Nhập khẩu từ VN</i>	3.280.754	4.363.664

Đơn vị: 1.000 NOK

Nguồn: www.ssb.no

Những mặt hàng XK chính của Việt Nam sang NaUy năm 2016 và 2017

Mã hàng	2016	2017
00-Thực phẩm và động vật sống	337.627	423.217

01- Đồ uống và thuốc lá	218	235
02- Nguyên phụ liệu thô	11.811	6.651
03- Khoáng sản nguyên liệu	0	1
04- Chất béo, dầu thực vật, động vật		228
05- Hóa chất và các sản phẩm liên quan	5.618	9.511
06- Các sản phẩm may mặc, da giày...	305.302	392.768
07-Máy móc thiết bị, phụ tùng...	403.432	1.124.633
08-Các mặt hàng khác	2.216.598	2.406.525

Đơn vị: 1.000 NOK

Nguồn: www.ssb.no

Những mặt hàng XK chính của Na Uy sang Việt Nam năm 2016 và 2017

Mã hàng	2016	2017
00- Thực phẩm và động vật sống	1.862.041	2.301.643
01- Đồ uống và thuốc lá	84	62
02- Nguyên phụ liệu thô	70.781	64.284
03- Khoáng sản nguyên liệu	35	0
04- Chất béo, dầu thực vật, động vật	9.761	7.162
05- Hóa chất và các sản phẩm liên quan	168.717	197.525
06- Các sản phẩm chế tạo, sản xuất trong đó có may mặc, da giày...	23.274	28.099
07-Máy móc thiết bị vận tải	352.264	378.947
08-Các mặt hàng khác	147.346	54.733

Đơn vị: 1.000 NOK

Nguồn: www.ssb.no